

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HS-PT
Ngày 04 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Phan Đức Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 418/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo Lê Thanh Bảo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thanh Bảo N và các bị hại Lê Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Thanh H, Vương Quốc T, Ao Minh C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2025/QĐXXPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thanh Bảo N, sinh năm 1981, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số A đường C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số A đường C, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: số A, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là số A, đường Cách mạng tháng T, phường B, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị S; bị cáo 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 24/01/2023 cho đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh Bảo N:**

1. Ông Phạm Minh T2 là Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Minh T2 - Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc Đ là Luật sư Công ty L3 - Chi nhánh B4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ, vắng mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Ao Minh C, sinh năm 1994; nơi cư trú: B V, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là B V, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. Bà Lê Mỹ P, sinh năm 1997; nơi cư trú: 1 khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là 1 khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

3. Bà Nguyễn Hoàng Thanh T3, sinh năm 1987; nơi cư trú: 4 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số D khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: 113/59, đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 113/59, đường A, khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Ông Vương Quốc T, sinh năm 1987; nơi cư trú: A, đường C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A, đường C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại ông Ao Minh C và bà Nguyễn Thị Thanh H: Ông Trần Minh H1, ông Châu Văn V và ông Lê Văn T4 là Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (luật sư T4 có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Hoàng Ngọc S1 sinh năm 1983; nơi cư trú: 389/16/10 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 389/16/10 Quốc lộ A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

2. Bà Trương Tổng Cao V1, sinh năm 1980; nơi cư trú: 1 đường C, phường B, huyện B, thành phố Cần Thơ, (180/2 đường Cách mạng tháng T, phường B, thành phố Cần Thơ) vắng mặt.

3. Ông Đoàn Tiến H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, (nay là số A L, phường B, tỉnh Lâm Đồng) vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1949; nơi cư trú: số G đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (nay là số G đường N, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; nơi cư trú: số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (nay là số A khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; nơi cư trú: số C đường số D, khu tái định cư Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (nay là số C đường số D, khu tái định cư Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960; nơi cư trú: số G đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (số G đường N, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1993; nơi cư trú: số E khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (số E khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; không bị kháng nghị, cũng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh Bảo N trước đây là Giám đốc Công ty TNHH MTV X1, tuy nhiên đến ngày 09/7/2020 Công ty TNHH MTV X1 không còn hoạt động kinh doanh xăng dầu và Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương đã có thông báo đóng mã số thuế của Công ty. Do N không còn kinh doanh xăng dầu và nợ tiền cá nhân, không có khả năng trả nợ nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của nhiều người bằng hình thức góp tiền để mua lại phần đất thừa kế thừa 779, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã được phân chia cho gia đình của N, huy động góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu, vay tiền để đóng thuế xăng dầu của Công ty TNHH MTV X1 và vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất thừa 4053, tờ bản đồ số 11, diện tích 582,5 m², địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất

- Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng thông qua việc góp tiền mua các phần đất thừa kế thừa đất 779, địa chỉ: Đường Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông Ao Minh C cùng vợ là bà Lê Thị P và Lê Thanh Bảo N có mối quan hệ họ hàng trong gia đình.

Ngày 09/5/2021, N gọi điện thoại cho bà P đến nhà của N để nói chuyện N có lô đất của gia đình đang tranh chấp phân chia thừa kế, N rủ bà P hùn vốn để mua lại các phần thừa kế sau đó ra tên cho N rồi bán kiếm lời. Sau đó, bà P về bàn bạc thì ông C đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 10/5/2021, tại quán cà phê “Nắng S”, đường G, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, N nói ông C, bà P thừa đất 779, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.334,6 m² (đo thực tế là 1.222,2 m²), địa chỉ: Đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D (gọi tắt thừa đất 779) đã được phân chia thừa kế cho gia đình N. N có thuê Luật sư để làm thủ tục tách ra sổ, N nói ông C, bà P đưa tiền cho N để N đặt cọc cho những người trong gia đình đã được phân chia thừa kế. Ngày 10/5/2021, ông C, bà P đưa cho N 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), ngày 11/5/2021 ông C, bà P tiếp tục đưa cho N 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). N viết giấy nhận 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), sau khi hoàn thiện việc chuyển nhượng đất, ông C và bà P sẽ nhận 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Sau đó, ông C, bà P tìm hiểu biết được không có việc gia đình của N được phân chia thừa kế đối với thừa đất 779.

Quá trình điều tra xác định: Cụ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1923 (chết năm 2006) và cụ Nguyễn Văn C1, sinh năm 1923 (chết năm 2014). Cụ C1 và cụ N1 có 05 người con chung là Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; Nguyễn Thị T5, sinh năm 1949; Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952; Nguyễn Thị S, sinh năm 1955 và Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960. Trước khi kết hôn với cụ C1 thì cụ N1 đã có 01 người con riêng là Phạm Anh X (chết năm 2003). Ông X và bà Võ Thị L2, sinh năm 1955 có 04 người con là Phạm Thị Anh H3, Phạm Thị Anh N2, Phạm Anh T8, Phạm Anh T9. Thừa đất 779 do hộ bà Nguyễn Thị N1 đứng tên quyền sử dụng đất được cấp ngày 26/8/1996, thừa đất này từ trước đến nay do bà L2 trực tiếp sử dụng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L2 xây dựng nhiều công trình trên đất. Khi cụ C1 còn sống, cụ C1 viết di chúc để lại cho bà L2 được hưởng diện tích 698,4m² thuộc thừa 779. Năm 2013, bà Nguyễn Thị T5 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết chia di sản thừa kế thừa 779 theo quy định pháp luật.

Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận định đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T5 là bà Từ Nguyễn Thu H4 không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất 779. Bà Võ Thị L2 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 698,4m² thuộc thừa đất 779 và có nghĩa vụ đăng ký kê khai đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận theo bản án này.

Theo Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nêu trên, bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị B1 và các con của ông X chưa được phân chia thừa kế đối với phần diện tích còn lại là 523,8m² thuộc thừa 779. Tuy nhiên, N đã đưa ra thông tin gian dối cho ông C, bà P thừa đất 779 đã được phân chia thừa kế cho gia đình N để ông C, bà P tin tưởng đưa 1.500.000.000 đồng hùn vốn với N để mua lại các phần đất thừa kế của gia đình N để chiếm đoạt.

- Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 965.500.000 đồng thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu hưởng chiết khấu.

Ngày 16/5/2021, N nói ông C, bà P hiện N đang kinh doanh xăng dầu với hình thức mua dầu nhiên liệu của Công ty P1, sau đó đem bán lại hưởng chiết khấu. N nói ông C, bà P nếu có 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) đưa cho N mua dầu thì khoảng 01 tuần sẽ có được 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 11.000.000đ (mười một triệu đồng) tiền chiết khấu, ông C, bà P đồng ý. Ngày 17/5/2021, ông C chuyển cho N 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 0461000498294 của N tại Ngân hàng V2 chi nhánh B4. Sau khi nhận được tiền do C chuyển, cùng ngày 17/5/2021, N chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 060160732558 của Vương Quốc T mở tại Ngân hàng S3 chi nhánh T12, Thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ cho T. Sau đó, để tạo sự tin tưởng, N nhắn tin và gửi hình ảnh thông tin giá xăng dầu, chứng từ về việc đang mua bán dầu với Công ty P1 cho ông C. Sau đó, N đã chuyển khoản cho ông C 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày 21/5/2021; 11.000.000đ (mười một triệu đồng) vào ngày 03/6/2021 và 11.000.000đ (mười một triệu đồng) vào ngày 18/6/2021 với nội dung tiền chiết khấu mua bán dầu nhiên liệu, tổng số tiền N chuyển cho ông C là 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng cuối tháng 6 năm 2021, N không chuyển tiền chiết khấu mua bán dầu nhiên liệu cho ông C như cam kết, C yêu cầu N trả lại 1.000.000.000 đồng nhưng N hứa hẹn nhiều lần và không trả cho ông C. Ông C tìm hiểu biết được N không mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1, sau khi đã trả cho ông C, bà P tiền chiết khấu 34.500.000 đồng, N còn chiếm đoạt của ông C, bà P là 965.500.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 27/5/2021 đến ngày 19/10/2021 ông Ao Minh C chuyển khoản cho N vay nhiều lần với tổng số tiền 263.100.000 đồng và N đã chuyển khoản trả cho C nhiều lần với tổng số tiền 281.121.000 đồng (Số tiền chênh lệch 18.021.000 đồng, ông C trình bày cho N vay tiền mặt và N chuyển khoản trả cho ông C). Ông C xác định cho N vay 281.121.000 đồng là giao dịch dân sự giữa hai bên.

2. Vụ thứ hai

Bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 quen biết với Lê Thanh Bảo N qua kinh doanh môi giới bất động sản.

Khoảng cuối tháng 5/2021, N nói bà T3 hiện N đang kinh doanh xăng dầu với hình thức mua dầu nhiên liệu của Công ty P1, sau đó đem bán lại hưởng chiết khấu, N rủ bà T3 góp vốn kinh doanh mua bán dầu nhiên liệu với N, bà T3 đồng ý. Từ ngày 01/6/2021 đến 08/7/2021, bà T3 đã 08 lần chuyển tiền vào tài khoản số 0461000498294 của N tại Ngân hàng V2 với tổng số tiền 986.560.000đ (chín trăm tám mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) để góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với N. Sau khi nhận được tiền do bà T3 chuyển, N sử dụng số tiền trên để trả nợ gốc, lãi vay trước đó cho người khác. Sau đó, để tạo sự tin tưởng, N nhắn tin, gửi hình ảnh chứng từ việc mua bán dầu nhiên liệu cho T3 xem và chuyển tiền tiền chiết khấu cho bà T3 22.020.000 đồng và chuyển khoản trả cho bà T3 nhiều lần với tổng số tiền 334.520.000 đồng. Sau

đó, N bỏ đi khỏi địa phương và trốn tránh bà T3. Bà T3 tìm hiểu biết được N không kinh doanh dầu nhiên liệu với Công ty P1, N còn chiếm đoạt của bà T3 630.020.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 15/6/2021 đến ngày 10/11/2021, bà T3 chuyển khoản cho N vay nhiều lần với tổng số tiền 699.880.000 đồng, N đã chuyển khoản trả lại cho bà T3 số tiền trên. Bà T3 xác định cho N vay 699.880.000 đồng là giao dịch dân sự giữa hai bên.

3. Vụ thứ ba

Bà Nguyễn Thị Thanh H và Lê Thanh Bảo N có mối quan hệ là bạn bè.

Khoảng tháng 4/2021, N nhắn tin cho bà H vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) để đóng tiền nợ thuế kinh doanh xăng dầu, N nói nếu không có tiền sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, do tin tưởng là bạn bè nên bà H đã vay 700.000.000 đồng của bà Mai Thị T10, sinh năm 1979, địa chỉ: Phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để đưa cho N vay. Cuối tháng 5/2021, N hứa trả tiền cho bà H nhưng không trả. Ngày 01/9/2021, bà H yêu cầu N viết cam kết trả 700.000.000 đồng. Sau khi viết cam kết, N không trả tiền cho bà H và trốn tránh, bỏ đi khỏi địa phương. Do N không trả tiền cho bà T10 nên bà H đã sử dụng tiền cá nhân để trả cho bà T10 số tiền trên. Sau đó, bà H tìm hiểu biết N không còn kinh doanh xăng dầu và không đóng thuế xăng dầu.

4. Vụ thứ tư

Ông Vương Quốc T và Lê Thanh Bảo N có mối quan hệ quen biết nhau.

Khoảng đầu năm 2021, bà Lê Thị Thanh T7 nhờ N làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4053, tờ bản đồ số 11, diện tích 582,5 m², địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương do mẹ ruột là Nguyễn Thị B2 viết di chúc để lại cho bà T7 (gọi tắt là thửa 4053). Sau đó, bà T7 gửi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4053 tên Nguyễn Thị B2 và di chúc của bà Nguyễn Thị B2 qua ứng dụng Zalo cho N xem, tuy nhiên N không liên hệ để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T7. Do N có được thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4053 nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Vương Quốc T bằng cách hỏi vay tiền của ông T để đóng tiền sử dụng đất cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7. Ngày 04/3/2021, N hỏi vay 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng) của ông T để đóng tiền sử dụng đất cho bà T7, N đưa ra lý do bà T7 đang nợ tiền sử dụng đất nhưng không có tiền để đóng nên bà T7 vay tiền của N để đóng tiền sử dụng đất, N gửi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4053 qua ứng dụng Zalo cho ông T xem và hẹn ông T sẽ trả tiền vào ngày 04/4/2021, ông T đồng ý. Ngày 04/3/2021, ông T chuyển 1.672.000.000đ (một tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu) vào tài khoản của N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S4 (S3) chi nhánh T12, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa tiền mặt 228.000.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) cho N, hai bên lập giấy mượn tiền ngày 04/3/2021 xác nhận tổng số tiền N vay ông T là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền của ông T, ngày 04/3/2021 và ngày 05/3/2021 N chuyển

khoản cho Đoàn Tiến H2 1.090.000.000đ (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng), số tiền còn lại sử dụng trả nợ cá nhân. Ngày 03/4/2021, ông T điện thoại yêu cầu N trả tiền, N xác nhận với ông T đã đóng tiền sử dụng đất cho bà T7, đang chờ niêm yết 15 ngày và hứa hẹn trả tiền cho ông T nhưng sau đó N không trả và bỏ đi khỏi địa phương.

Quá trình điều tra xác định: Bà Lê Thị Thanh T7 được quyền sử dụng thửa đất 4053 do mẹ ruột là Nguyễn Thị B2 viết di chúc để lại cho bà T7. Hiện bà T7 còn nợ khoảng 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà T7 không nhờ N vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Bản kết luận giám định số 166/KL-KTHS ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Lê Thanh Bảo N dưới mục “Bên mượn tiền”, “Bên vay” trên 02 “Giấy mượn tiền” đề ngày 04/3/2021 và 04/4/2021 giữa B3 cho mượn tiền Vương Quốc T và Bên mượn tiền Lê Thanh Bảo N do Lê Thanh Bảo N ký và viết ra.

Ngày 04/4/2022, Cơ quan điều tra có văn bản gửi Công ty X2 (Petrolimex S) yêu cầu cung cấp thông tin về việc mua bán dầu với Lê Thanh Bảo N. Ngày 08/4/2022, Công ty P1 có văn bản số 0904/PLXKV2-PCTT trả lời: Từ trước đến nay (tháng 4/2022) không phát sinh giao dịch mua bán xăng dầu với Công ty X1 cũng như cá nhân Lê Thanh Bảo N. Công ty chỉ phát sinh giao dịch mua bán dầu nhờn với Lê Thanh Bảo N trong năm 2017, 2018 và hợp đồng đã hết hiệu lực sau ngày 31/12/2020.

Ông Lâm Quang M là nhân viên Công ty P1 xác định: Ông M không mua bán dầu nhiên liệu với N trong năm 2021 và không có sự việc N giao nhận tiền mặt từ việc bán dầu nhiên liệu cho ông M trong năm 2021. Khi mua bán xăng dầu với Công ty P1 phải có hợp đồng và đáp ứng đủ điều kiện theo hợp đồng, do N không đủ điều kiện nên Công ty P1 từ chối bán hàng cho N.

Ngày 05/5/2022, Cơ quan điều tra có văn bản số 1149 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B yêu cầu cung cấp thông tin về Công ty TNHH MTV X1. Kết quả: Công ty TNHH MTV X1, mã số doanh nghiệp C3, đăng ký lần đầu ngày 14/6/2017; địa chỉ trụ sở chính: Số A, Nguyễn Thị Ú, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, chủ sở hữu: Lê Thanh Bảo N.

Ngày 05/5/2022, Cơ quan điều tra có văn bản số 1148 gửi Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương để xác minh về tình hình kê khai và nộp thuế của Công ty TNHH MTV X1. Kết quả:

- + Công ty X1 kê khai hồ sơ khai thuế đến Quý 4 năm 2019;
- + Công ty đã bỏ địa chỉ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;
- + Chi cục thuế thành phố D đã phối hợp địa phương xác minh tình trạng hoạt động kinh doanh của Công ty và đã đóng mã số thuế của Công ty TNHH MTV X1 theo thông báo số 833/TB-CCT ngày 09/7/2020.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tạm giữ của Lê Thanh Bảo N gồm:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, số Imei 356337101732572, Imei2 356337101732432.

01 (một) điện thoại di động hiệu N3 màu đen.

01 (một) căn cước công dân số 074181011445 do Cục C4 về TTXH cấp ngày 10/5/2021 tên Lê Thanh Bảo N.

01 (một) chứng minh nhân dân số 280805248 tên Lê Thanh Bảo N.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Ao Minh C, bà Lê Thị P yêu cầu Lê Thanh Bảo N trả lại 2.500.000.000 đồng; bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 yêu cầu Lê Thanh Bảo N trả lại 630.020.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Lê Thanh Bảo N trả lại 700.000.000 đồng; ông Vương Quốc T yêu cầu Lê Thanh Bảo N trả lại 1.900.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Bảo N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Bảo N 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 24/01/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thanh Bảo N có trách nhiệm trả lại cho ông Ao Minh C và bà Lê Thị P số tiền 2.465.500.000 (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 số tiền 630.020.000 (sáu trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; ông Vương Quốc T số tiền 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/4/2025, bị cáo Lê Thanh Bảo N kháng cáo kêu oan. Ngày 22/4/2025, bà Lê Thị Mỹ P có đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Ngày 23/4/2025, bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh Bảo N. Ngày 23/4/2025, ông Vương Quốc T có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh Bảo N. Ngày 24/4/2025 ông Ao Minh C có đơn

kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh Bảo N và việc bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, các bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng các giao dịch về tiền giữa bị cáo và 05 người bị hại, gồm: Ao Văn C2, Lê Mỹ P, Nguyễn Hoàng Thanh T3, Nguyễn Thị Thanh H và Vương Quốc T là giao dịch dân sự. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ xác định: Bị cáo Lê Thanh Bảo N trước đây là Giám đốc Công ty X1, tuy nhiên đến ngày 09/7/2020 Công ty X1 không còn hoạt động kinh doanh xăng dầu và Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương đã có thông báo đóng mã số thuế của Công ty. Do không còn kinh doanh xăng dầu và nợ tiền cá nhân, không có khả năng trả nợ nên bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của nhiều người bằng hình thức góp tiền để mua lại phần đất thừa kế thừa 779, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã được phân chia cho gia đình của N, huy động góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu, vay tiền để đóng thuế xăng dầu của Công ty X1 và vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất thừa 4053, tờ bản đồ số 11, diện tích 582,5 m², địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7. Trong thời gian từ ngày 04/3/2021 đến ngày 08/7/2021, N đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của ông Ao Minh C và bà Lê Thị P 1.500.000.000 đồng thông qua việc góp tiền mua đất thừa kế thừa đất 779 và 965.500.000 đồng thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt 630.020.000 đồng của bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt 700.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H thông qua việc vay tiền để đóng thuế xăng dầu; chiếm đoạt 1.900.000.000 đồng của ông Vương Quốc T thông qua việc vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất thừa 4053 cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7. Tổng số tiền Lê Thanh Bảo N chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là 5.695.520.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thanh Bảo N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thanh Bảo N về tội danh và hình phạt đã được viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Việc bị cáo kháng cáo xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, tuyên bị cáo vô tội là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của các bị hại: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 15 năm tù là có phần nghiêm khắc nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của những người bị hại.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh Bảo N và 04 người bị hại. Giữ nguyên mức án đối với bị cáo mà cấp sơ thẩm đã tuyên và các quyết định khác của bản án nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh Bảo N là ông Phạm Minh T2 trình bày nội dung bào chữa:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì có hành vi chiếm đoạt của ông Ao Minh C số tiền 2.500.000.000 đồng, bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 số tiền 986.560.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 700.000.000 đồng, ông Vương Quốc T số tiền 1.900.000.000 đồng là không đúng sự thật của vụ án.

Vụ án thứ nhất: Trước khi hùn vốn ông C, bà P biết tình trạng đất, bị cáo N nhận phần hùn của ông Ao Minh C số tiền là 1.500.000.000 đồng, N và ông C hứa hẹn mua xong bán lại thì ông C nhận về 2.000.000.000 đồng (lãi 500.000.000 đồng); sau khi nhận tiền của ông C bị cáo đã đặt cọc cho bà T5, bà B1, bà B, bà L1 và bà S. Trong vụ việc này, bị cáo N không hề có thủ đoạn gian dối. Số tiền Ngọc nhận của ông C đã được dùng vào việc mua đất. Thể hiện là sau khi nhận tiền của ông C, N đã ký hợp đồng và giao tiền đặt cọc cho người bán đất; bị cáo đã thuê luật sư thực hiện thủ tục pháp lý liên quan đến tài sản mua bán. Bị cáo đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình như đã hứa với ông C, đây là thỏa thuận dân sự không phải là hình sự.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng của ông C hùn mua xăng dầu thì bị cáo N đã 14 lần chuyển tiền lợi nhuận vào tài khoản của ông C tổng số tiền 321.00.000 đồng nhưng bản án không ghi nhận số tiền này, mà chỉ ghi nhận trả 34.000.000 đồng. Việc mua bán dầu giữa bị cáo và ông C đều thể hiện tin nhắn qua mang Zalo nội dung ông C biết và thỏa thuận bị cáo N mua phiếu dầu và cùng nhau hưởng lợi nhuận. Bị cáo N có nhắc cần lấy lại tiền không thì C bảo cứ để tiền ở đó sợ dịch nên xăng tăng. Bị cáo xác định không có mua bán dầu với công ty P1 mà chỉ mua phiếu dầu cá nhân với ông M, có người làm chứng là ông Lê Tấn H5 đi giao phiếu dầu các nơi cho bị cáo. Tại Biên bản đối chất ngày 20/10/2022 ông M xác định có giới thiệu cho ông Đ1 mua bán với bị cáo. Cơ quan điều tra xác định bị cáo N không mua bán dầu là sai sự thật.

Vụ án thứ 2: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt của bà T3 số tiền 630.020.000 đồng. Bị cáo N đã chuyển trả cho bà T3 tổng số tiền 954.900.000 đồng thể hiện qua các bảng sao kê của Ngân hàng nhưng các cơ quan tố tụng không ghi nhận, nếu cản trừ số tiền này thì bị cáo N không còn nợ bà T3. Bị cáo N cũng không hứa hẹn mua bán dầu với T3 mà hai bên thỏa thuận vay mượn, bị cáo cũng chuyển trả lãi cho T3 trong vòng 05 tháng. Nếu bị cáo có ý định chiếm đoạt bị cáo sẽ không chuyển trả lại bị hại.

Vụ án thứ 3: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo N chiếm đoạt của bà H số tiền 700.000.000 đồng. Số tiền 700.000.000 đồng của bà H nhưng do ông T sống chung như vợ chồng với bà H nên ông T cản trừ số nợ cho bà H. Ông T buộc

gia đình bị cáo N công chứng ký bán 02 xe ô tô, 01 xe gắn máy với số tiền 564.500.000 đồng để cân trừ số tiền bị cáo N vay của bà H nhưng không được cơ quan tố tụng ghi nhận. Giữa bị cáo và bà H không có thỏa thuận mua bán dầu, thực chất là vay mượn dân sự, bị cáo đã nhiều lần chuyển trả lãi cho bà H qua tài khoản bà H tổng số tiền là 155.500.000 đồng. Cộng với số tiền bán xe ô tô và xe gắn máy thì bị cáo N đã trả cho bà H tổng số tiền là 720.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo không còn nợ bà H.

Vụ án thứ 4: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo N chiếm đoạt của ông T số tiền 1.900.000.000 đồng. Đây cũng là giao dịch vay mượn lãi suất cao thể hiện bị cáo T cho N vay 1.900.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ chuyển cho N 1.672.000.000 còn trừ lãi 228.000.000 đồng (tương đương 12%). Bị cáo đã nhiều lần trả tiền cho ông T nhưng cũng không được Tòa án sơ thẩm ghi nhận để cân trừ.

Như vậy, bị cáo không có mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại, vì là quan hệ dân sự có trả lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo N không phạm tội và điều tra hành vi cho vay nặng lãi của ông Vương Quốc T.

Bị cáo Lê Thanh Bảo N thống nhất với quan điểm bào chữa và không tranh luận thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Ao Minh C và Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Đối với hành vi bị cáo chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng tiền góp chung mua đất thừa kế của bị hại C: bị cáo N đã thừa nhận cung cấp thông tin cho C là đất nhà bị cáo đã được chia thừa kế, đang nhờ luật sư làm thủ tục chia thừa kế và sang tên trong vòng 01 tháng tuy nhiên trong 2 hợp đồng thuê dịch vụ luật sư nội dung chỉ là giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương chứ không phải là khai nhận di sản thừa kế như bị cáo trình bày. Đối với số tiền 700.000.000 đồng của bà H thì bị cáo N khai 2 lời khai rất mâu thuẫn, bị cáo thừa nhận đã trả cho bà H qua 2 hình thức là tiền mặt và bán xe chứ không có chuyển khoản nhưng lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo xác định có chuyển khoản trả tiền cho bà H do đó bị cáo cho rằng đã trả đủ tiền cho bà H là không có căn cứ. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không có thủ đoạn gian dối là không đúng vì bị cáo đưa ra thông tin là công ty đang nợ thuế và lợi dụng mức độ quan hệ bạn thân để mượn tiền nhằm sử dụng mục đích không đúng. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người liên quan trong vụ án đã nhận tiền đặt cọc phải hoàn trả lại cho ông C. Đề nghị khởi tố đối với Đoàn Tiến H2 do N và H2 chung sống như vợ chồng, N khai do nợ tiền của H2 nên chuyển tiền của các bị hại cho H2 nhưng N không chứng minh được có sự vay nợ giữa N và H2.

Các bị hại ông Ao Minh C, Vương Quốc T đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N và làm rõ trách nhiệm của Đoàn Tiến H2, Trương Tông Cao V1, Hoàng Ngọc S1 do 03 đối tượng này cung cấp giấy xác nhận nợ mua bán kinh doanh dầu nhiên liệu với bị cáo Ngọc G nhằm kéo dài giải quyết vụ án.

Bị hại bà Lê Mỹ P đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N do bị cáo không thể hiện thái độ ăn năn hối cải, không khắc phục hậu quả cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thanh Bảo N và các bị hại bà Lê Thị Mỹ P, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Vương Quốc T, ông Ao Minh C làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Bị cáo Lê Thanh Bảo N bị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định: Trong thời gian từ ngày 04/3/2021 đến ngày 08/7/2021, N đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của ông Ao Minh C và bà Lê Thị P số tiền 1.500.000.000 đồng, thông qua việc góp tiền mua đất thửa kế thửa đất 779, mặc dù thửa đất nêu trên chưa được phân chia cho gia đình bị cáo; chiếm đoạt số tiền 965.500.000 đồng, thông qua việc kêu gọi góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1, để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt số tiền 630.020.000 đồng của bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H thông qua việc vay tiền để đóng thuế xăng dầu và chiếm đoạt số tiền 1.900.000.000 đồng của ông Vương Quốc T thông qua việc vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất thửa 4053 cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7.

[3] Bị cáo Lê Thanh Bảo N kháng cáo toàn bộ bản án, cho rằng nội dung, bản chất của các quan hệ hùn hạp, vay mượn tiền bạc giữa bị cáo với các bị hại chỉ là quan hệ dân sự. Theo đó, bị cáo khẳng định mình đã đỡ rủ C, P góp tiền để mua bán đất, mua bán phiếu dầu nhằm được hưởng lợi nhuận, chiết khấu; nợ nần giữa bị cáo với bà T3 là việc chuyển từ góp vốn mua bán phiếu dầu sang vay mượn có trả lãi với lãi suất cao; tương tự như vậy số tiền bị cáo đã trả nợ đối với Vương Quốc T lớn hơn rất nhiều số tiền bị cáo đã vay do phải chịu lãi suất cao. Do vậy, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

[4] Tuy nhiên, xét lời khai của ông Lâm Quang M (các bút lục số 257, 288-289) xác định không có mua bán xăng dầu với bị cáo Lê Thanh Bảo N từ năm 2021; lời khai của ông Đoàn Tiến H2 (bút lục số 2182-2183), ông Hoàng Ngọc S1 (bút lục 2179-2180) về việc bị cáo nhờ viết giấy xác nhận vay nợ và không có mua bán xăng dầu với bị cáo N; lời khai của ông Nguyễn Minh T6 (bút lục số 2175-2176) về việc bị cáo đưa ra thông tin thửa đất số 779 đã được Tòa án chia thừa kế xong cho nhà bị cáo; lời khai của bà Lê Thị Thanh T7 (bút lục số 754-755) xác định không nhờ bị cáo N vay mượn tiền để đóng thuế đất; các Kết luận giám định đối với các tài liệu thu thập được; Bản sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo và các bị hại, trích xuất dữ liệu từ điện thoại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 04/3/2021 đến ngày 08/7/2021, N đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo

chiếm đoạt của ông Ao Minh C và bà Lê Thị P 1.500.000.000 đồng thông qua việc góp tiền mua đất thừa kế thừa đất 779 mặc dù thửa đất trên chưa được phân chia cho gia đình bị cáo và 965.500.000 đồng thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt 630.020.000 đồng của bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 thông qua việc góp vốn mua bán dầu nhiên liệu với Công ty P1 để hưởng chiết khấu; chiếm đoạt 700.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H thông qua việc vay tiền để đóng thuế xăng dầu; chiếm đoạt 1.900.000.000 đồng của ông Vương Quốc T thông qua việc vay tiền để đóng tiền nợ sử dụng đất thừa 4053 cho bạn của N là bà Lê Thị Thanh T7.

Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền là 5.695.520.000đ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng số tiền trên thực chất là vay mượn có trả lãi. Bị cáo đã trả cho các bị hại nhiều lần thông qua việc chuyển khoản Ngân hàng từ tài khoản của bị cáo cho các bị hại. Tuy nhiên, qua đối chất trực tiếp tại phiên tòa thì các bị hại đều không thừa nhận việc này, cho rằng đó là lời khai gian dối nhằm đổ lỗi cho người khác. Ông Vương Quốc T khai rằng số tiền hơn 10 tỷ đồng mà bị cáo khai đã trả cho ông thực chất là số tiền bị cáo vay trước đó, không liên quan đến số tiền 1.900.000.000đ vay ngày 04/3/2021 của vụ án này. Tại giai đoạn điều tra bị cáo N thừa nhận có nhận của ông T số tiền 1.900.000.000đ để đóng tiền thổ cư cho bà Lê Thị Thanh T7; nhưng bà T7 khai không nhờ N đóng tiền và cũng không nhận bất cứ khoản tiền gì từ N, và số tiền này chưa trả cho ông T. Qua các sao kê tài khoản cơ quan điều tra xác định giữa N và T qua lại rất nhiều tài khoản, nhưng không thể hiện có khoản tiền trả nợ này. Vì vậy, việc bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tình tiết khách quan của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử hành vi của bị cáo Lê Thanh Bảo N đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi đưa ra thông tin gian dối để tạo lòng tin đối với bị hại và chiếm đoạt tiền của các bị hại là hành vi trái pháp luật nhưng vì nợ tiền cá nhân, không có khả năng trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét kháng cáo của các bị hại:

Các bị hại ông, bà Vương Minh T11, Ao Minh C, Lê Mỹ P, Nguyễn Thị Thanh H đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 15 năm tù là phù hợp

với quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của những người bị hại.

Đối với kháng cáo của ông Vương Minh T11 và Ao Minh C đề nghị truy tố đối với Đoàn Tiến H2, Trương Tổng Cao V1, Hoàng Ngọc S1 do 03 đối tượng này cung cấp giấy xác nhận nợ mua bán kinh doanh dầu nhiên liệu với bị cáo Ngọc S2 sự thật. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Bị cáo, các bị hại có kháng cáo, nhưng ngoài những chứng cứ đã được Toà án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá thì không có chứng cứ nào mới. Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thanh Bảo N và các bị hại bà Lê Thị Mỹ P, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Vương Quốc T và ông Ao Minh C.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2025/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Bảo N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Bảo N 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 24/01/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thanh Bảo N có trách nhiệm trả lại cho ông Ao Minh C và bà Lê Thị P số tiền 2.465.500.000 (hai tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Hoàng Thanh T3 số tiền 630.020.000 (sáu trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; ông Vương Quốc T số tiền 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thanh Bảo N phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam số 02-CATP.Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án MT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

